TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2024
V/v tranh chấp " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Bé Bảy.**
2. Ông **Nguyễn Tất Ái.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Trà My –** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 660/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 9/11A đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh Đỗ Minh H1, sinh năm 1995.

Địa chỉ:số 7b/10 đường Phan Bội Châu, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Thị Ngọc H trình bày: chị và anh Đỗ Minh H1 kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, TP M, Tiền Giang. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng đến về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nguyên nhân do tính tình không phù hợp, hiện tình cảm không còn đã sống ly thân. Nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

- Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Khánh H2 sinh ngày 10/12/2016 và Đỗ Đình Khánh H3 sinh ngày 06/9/2018. Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

* Bị đơn anh Đỗ Minh H1 khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

* Tại phiên tòa, chị Hcó đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn có đơn xin vắng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Giao cháu Đỗ Ngọc Khánh H2 và Đỗ Đình Khánh H3 cho chị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu, chị H không yêu cầu anh H1cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Minh H1 có hộ khẩu tại thành phố Mỹ Tho. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường 3, TP M, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân chị Hiền và anh Hảo sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm sống, anh H1 không quan tâm chăm sóc cho vợ con, hiện chị H và anh H1 đã sống ly thân và tình cảm vợ chồng không còn. Đồng thời khoảng thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung. Ngoài ra, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh H1 không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh H1.

[4].Về nuôi con chung: Thời gian hôn nhân chị H và anh H1 có 02 con chung tên Đỗ Ngọc Khánh H2sinh ngày 10/12/2016 và Đỗ Đình Khánh H3 sinh ngày 06/9/2018, hiện các cháu đang sống chung với chị H, cháu H2 có nguyện vọng mong

muốn được sống cùng mẹ.

Xét thấy, trong thời gian H và anh H1 sống ly thân, cháu H2 và cháu H3 do chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở, cũng như cháu H2 có nguyện vọng được ở với mẹ và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 cũng không có bất kỳ văn bản nào nộp cho Tòa án thể hiện sự phản đối về việc giao hai cháu cho chị H nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu được nuôi con chung của chị H là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H có việc làm, thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con nên chị không yêu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra xem xét

[6].Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng nên Hội đồng xét xử chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8].Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Chị Hiền phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đỗ Minh H1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc Khánh H2 sinh ngày 10/12/2016 và Đỗ Đình Khánh H3 sinh ngày 06/9/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đỗ Minh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0024530 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh tỉnh Tiền Giang, như vậy chị đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND TPMT;
- UBND phường 3, TP Mỹ Tho, Tiền Giang;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

Cao Thị Trúc Linh